

Số: 04/2022/QĐ-UBND

Hà Giang, ngày 18 tháng 02 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật quản lý, vận hành
hệ thống thoát nước và xử lý nước thải đô thị thành phố Hà Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ về quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2015 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

Căn cứ Thông tư số 13/2018/TT-BXD ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Bộ Xây dựng về phương pháp định giá dịch vụ thoát nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quyết định này ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật quản lý, vận hành hệ thống thoát nước và xử lý nước thải đô thị thành phố Hà Giang, gồm:

1. Định mức quản lý, vận hành trạm xử lý nước thải.
2. Định mức quản lý, vận hành hệ thống trạm bơm nước thải.

(chi tiết có phụ lục định mức kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 3 năm 2022.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Xây dựng; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Giang; các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Hệ thống VNPT iOffice;
- Lưu: VT, CV (KTTH).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Sơn

Phụ lục
ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT
QUẢN LÝ, VẬN HÀNH HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC VÀ
XỬ LÝ NƯỚC THẢI ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ HÀ GIANG

(Kèm theo Quyết định số 04/2022/QĐ-UBND ngày 18/02/2022 của UBND tỉnh)

I. THUYẾT MINH ĐỊNH MỨC

1. Nội dung định mức

a) Định mức kinh tế - kỹ thuật quản lý vận hành hệ thống thoát nước và xử lý nước thải đô thị thành phố Hà Giang công bố tại Quyết định này bao gồm các hao phí cần thiết về vật liệu, nhân công và một số phương tiện để hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác quản lý, vận hành trạm bơm nước thải và trạm xử lý nước thải đô thị thành phố Hà Giang.

b) Phạm vi các công việc được định mức bao gồm công tác quản lý, vận hành trạm xử lý nước thải và công tác quản lý, vận hành trạm bơm nước thải nhằm đảm bảo cho hệ thống xử lý nước thải được hoạt động liên tục, ổn định và hiệu quả. Qua đó đảm bảo vệ sinh môi trường và chất lượng cuộc sống cho người dân tại thành phố Hà Giang.

2. Kết cấu định mức

a) Định mức kinh tế - kỹ thuật công tác quản lý vận hành hệ thống thoát nước và xử lý nước thải đô thị thành phố Hà Giang gồm 2 công tác được xây dựng định mức:

Nhóm 1: **TNHG.1.01.00** Quản lý, vận hành trạm xử lý nước thải.

Nhóm 2: **TNHG.2.01.00** Quản lý, vận hành trạm bơm nước thải.

b) Mỗi định mức được trình bày gồm: thành phần công việc, điều kiện áp dụng các trị số định mức và đơn vị tính phù hợp để thực hiện công việc đó.

3. Hướng dẫn áp dụng định mức

Định mức kinh tế - kỹ thuật công tác quản lý, vận hành hệ thống thoát nước và xử lý nước thải đô thị thành phố Hà Giang do Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang ban hành để các tổ chức, cá nhân có liên quan tham khảo, sử dụng vào việc lập và quản lý chi phí cho công tác quản lý, vận hành trạm bơm nước thải và trạm xử lý nước thải đô thị thành phố Hà Giang.

4. Lưu ý

Định mức được xây dựng trên cơ sở hồ sơ của dự án (bao gồm văn bản số 124/BQLDA ngày 10/12/2021 của Ban Quản lý các Dự án Cấp, thoát nước tỉnh Hà Giang về ‘*Nhân lực và hóa chất sử dụng cho quản lý, vận hành công trình Thoát nước và xử lý nước thải thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang*’ và quy trình tổ chức vận hành của trạm xử lý nước thải). Các hao phí về điện năng được tạm xác định công suất bằng 60% công suất hoạt động tối đa của trạm xử lý



nước thải và các trạm bơm nước thải. Trong quá trình hoạt động, đơn vị quản lý vận hành thu thập, thống kê các số liệu cần thiết để xây dựng và điều chỉnh định mức cho phù hợp với thực tế.

II. ĐỊNH MỨC

1. TNH.G.1.01.00 QUẢN LÝ, VẬN HÀNH TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Thành phần công việc:

- a) Chuẩn bị điều kiện làm việc, dụng cụ làm việc, trang thiết bị bảo hộ lao động.
- b) Kiểm tra, vận hành toàn bộ các máy móc, thiết bị trong phòng điều khiển trung tâm và ngoài thực tế tại các khu xử lý của trạm.
- c) Kiểm tra vận hành các thiết bị phụ trợ: tuyến cống dẫn nước thải vào trạm, song chắn rác...
- d) Lấy mẫu phân tích, đánh giá chất lượng nước trước xử lý, sau xử lý.
- đ) Bảo dưỡng hàng ngày các thiết bị máy móc tại trạm, chăm sóc cây xanh, thảm cỏ trong khu vực trạm.
- e) Theo dõi kiểm tra, điều chỉnh các thông số vận hành trạm.
- g) Bảo quản, bảo vệ đảm bảo an toàn cho trạm xử lý nước thải.

Đơn vị: 1000m³ nước thải

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
TNHG.1.01	Quản lý, vận hành trạm xử lý nước thải	<i>Vật liệu</i>		
		Điện năng	kWh	595,378
		Polymer Cation or Anion (PAM)	gam	2.000
		Sắt (III) Clorua - FeCl ₃ 40%	lít	41
		Nước Javen (NaOCl) 13%	lít	56
		Vật liệu khác	%	5
		<i>Nhân công</i>		
		Kỹ sư 3,0/8	công	1
Công nhân 3,5/7	công	2		

Ghi chú:

Định mức chưa bao gồm hao phí các công tác sửa chữa, thay thế các thiết bị, công tác bảo dưỡng định kỳ, bảo dưỡng lớn toàn bộ nhà máy, công tác quan trắc môi trường, xả thải.

3

2. TNH.G.2.01.00 QUẢN LÝ, VẬN HÀNH HỆ THỐNG TRẠM BƠM NƯỚC THẢI

Thành phần công việc:

- a) Chuẩn bị điều kiện làm việc, dụng cụ làm việc, trang thiết bị bảo hộ lao động.
- b) Kiểm tra, vận hành các thiết bị phụ trợ: cửa phai, thiết bị thu rác, mực nước trong bể hút, van ống hút, ống đẩy....
- c) Kiểm tra các điều kiện để khởi động, vận hành bơm gồm tủ điện, bể bút, ngăn đặt bơm, ngăn đặt van...
- d) Theo dõi diễn biến mực nước bể hút và hoạt động của máy bơm.
- đ) Bảo dưỡng nhỏ hàng ngày các thiết bị. Bảo vệ đảm bảo an toàn cho trạm bơm và các hạng mục phụ trợ.

Đơn vị: 1000m³

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Trạm bơm TB1	Trạm bơm TB2	Trạm bơm TB3
TNHG.2.01	Quản lý, vận hành trạm bơm nước thải	<i>Vật liệu</i>				
		Điện năng	kWh	36	62,4	105,6
		Vật liệu khác	%	5	5	5
		<i>Nhân công</i>				
		Công nhân 3,5/7	công	1	1	1
				01	02	03

Ghi chú:

Định mức chưa bao gồm hao phí các công tác sửa chữa, thay thế các thiết bị, công tác bảo dưỡng lớn toàn bộ trạm bơm.

